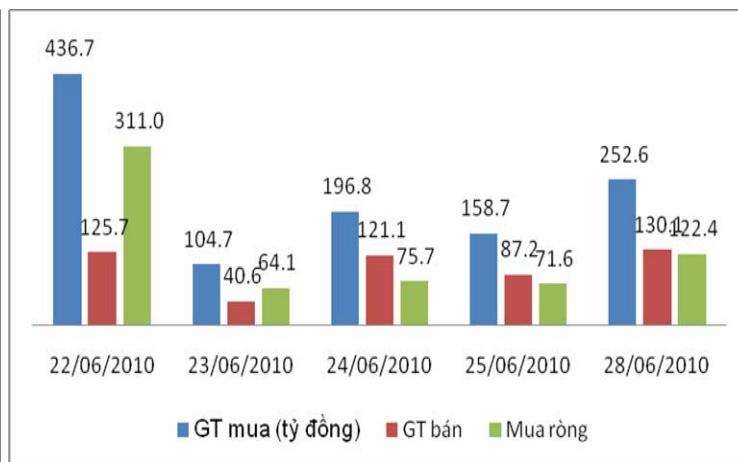
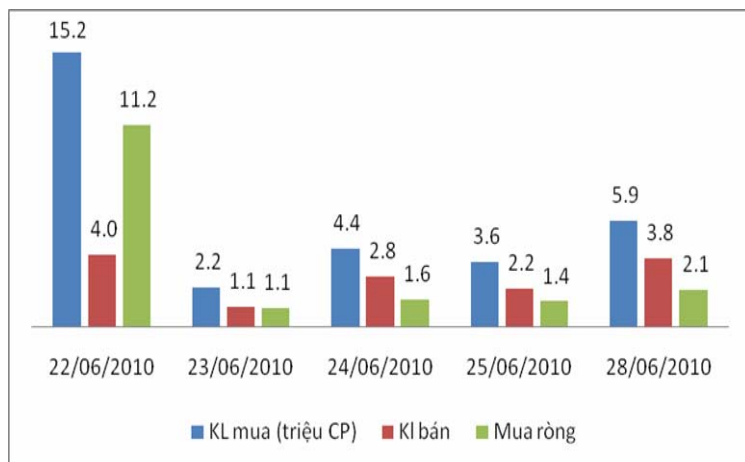


**TÌNH HÌNH GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TRÊN HOSE
PHIÊN GIAO DỊCH NGÀY 28/06/2010**



➤ 10 cp có giá trị mua vào lớn nhất

Stt	Mã	KL mua CP	KL Bán CP	KL mua ròng CP	Giá trị mua (Tr đồng)	Giá trị bán (Tr đồng)	Giá trị mua ròng (Tr đồng)	Giá mua BQ (đồng)	Giá bán BQ (đồng)
1	MSN	1.212.090	0	1.212.090	63.624	0	63.624	52.491	N/A
2	KBC	1.146.230	955.870	190.360	43.136	36.091	7.044	37.633	37.758
3	NBB	158.520	0	158.520	15.839	0	15.839	99.918	N/A
4	OGC	390.290	0	390.290	14.956	0	14.956	38.320	N/A
5	HAG	145.700	5.400	140.300	11.590	429	11.161	79.547	79.500
6	STB	531.000	10.000	521.000	10.992	207	10.785	20.700	20.700
7	SSI	313.820	7.220	306.600	10.966	253	10.713	34.945	35.048
8	SPM	133.500	0	133.500	10.903	0	10.903	81.671	N/A
9	DPM	262.330	31.000	231.330	8.067	960	7.108	30.753	30.965
10	DIG	83.050	7.860	75.190	5.355	507	4.848	64.479	64.500

➤ 10 cp có giá trị bán ra lớn nhất

Stt	Mã	KL mua	KL Bán	KL mua ròng	Giá trị mua	Giá trị bán	Giá trị mua ròng	Giá mua BQ	Giá bán BQ
		CP	CP	CP	(Tr đồng)	(Tr đồng)	(Tr đồng)	(đồng)	(đồng)
1	KBC	1.146.230	955.870	190.360	43.136	36.091	7.044	37.633	37.758
2	VNM	15.380	84.210	(68.830)	1.400	7.628	(6.228)	91.000	90.577
3	ITA	30.550	293.750	(263.200)	671	6.425	(5.754)	21.972	21.874
4	PVD	64.730	122.840	(58.110)	3.154	5.991	(2.837)	48.720	48.769
5	SJS	19.430	73.710	(54.280)	1.517	5.761	(4.244)	78.077	78.158
6	KDC	1.500	82.640	(81.140)	78	4.227	(4.150)	51.667	51.154
7	CII	114.050	100.650	13.400	4.448	3.925	523	39.004	39.001
8	PET	2.000	150.600	(148.600)	49	3.744	(3.695)	24.700	24.863
9	HDC	58.032	68.462	(10.430)	2.989	3.521	(532)	51.500	51.427
10	GMD	2.860	50.000	(47.140)	177	3.098	(2.920)	61.948	61.952

➤ 10 cp có giá trị mua ròng lớn nhất

Stt	Mã	KL mua	KL Bán	KL mua ròng	Giá trị mua	Giá trị bán	Giá trị mua ròng	Giá mua BQ	Giá bán BQ
		CP	CP	CP	(Tr đồng)	(Tr đồng)	(Tr đồng)	(đồng)	(đồng)
1	MSN	1.212.090	0	1.212.090	63.624	0	63.624	52.491	N/A
2	NBB	158.520	0	158.520	15.839	0	15.839	99.918	N/A
3	OGC	390.290	0	390.290	14.956	0	14.956	38.320	N/A
4	HAG	145.700	5.400	140.300	11.590	429	11.161	79.547	79.500
5	SPM	133.500	0	133.500	10.903	0	10.903	81.671	N/A
6	STB	531.000	10.000	521.000	10.992	207	10.785	20.700	20.700
7	SSI	313.820	7.220	306.600	10.966	253	10.713	34.945	35.048
8	DPM	262.330	31.000	231.330	8.067	960	7.108	30.753	30.965
9	KBC	1.146.230	955.870	190.360	43.136	36.091	7.044	37.633	37.758
10	VNG	300.000	0	300.000	5.040	0	5.040	16.800	N/A

➤ 10 cp có giá trị bán ròng lớn nhất

Stt	Mã	KL mua	KL Bán	KL mua ròng	Giá trị mua	Giá trị bán	Giá trị mua ròng	Giá mua BQ	Giá bán BQ
		CP	CP	CP	(Tr đồng)	(Tr đồng)	(Tr đồng)	(đồng)	(đồng)
1	VNM	15.380	84.210	(68.830)	1.400	7.628	(6.228)	91.000	90.577
2	ITA	30.550	293.750	(263.200)	671	6.425	(5.754)	21.972	21.874
3	SJS	19.430	73.710	(54.280)	1.517	5.761	(4.244)	78.077	78.158
4	KDC	1.500	82.640	(81.140)	78	4.227	(4.150)	51.667	51.154
5	PET	2.000	150.600	(148.600)	49	3.744	(3.695)	24.700	24.863
6	GMD	2.860	50.000	(47.140)	177	3.098	(2.920)	61.948	61.952
7	PVD	64.730	122.840	(58.110)	3.154	5.991	(2.837)	48.720	48.769
8	LSS	350	80.000	(79.650)	12	2.726	(2.714)	34.514	34.074
9	VSH	1.000	182.080	(181.080)	14	2.488	(2.474)	13.900	13.662
10	TDH	3.500	51.370	(47.870)	175	2.556	(2.382)	49.906	49.761